



BẢN TIN QUÝ

Điểm tin các quy định nổi bật trong quý 01/2024

Nội dung

| | | |
|----|-----------------------|----|
| 01 | Thuế Doanh nghiệp | 03 |
| 02 | Thuế Thu nhập cá nhân | 15 |
| 03 | Bảo hiểm xã hội | 19 |
| 04 | Lao động | 20 |
| 05 | Khác | 21 |

THUẾ DOANH NGHIỆP ("TNDN")

► Chính sách thuế

1. Công văn số 459/TCT-QLN ngày 05/02/2024 của Tổng cục thuế ("TCT") về việc gia hạn nộp thuế và khoản nợ tiền thuế của Công ty Bia Sài Gòn - Kiên Giang.
2. Công văn số 1140/TCT-CS ngày 22/03/2024 của TCT về chính sách thuế chi phí khấu hao tài sản cố định.

Trường hợp tài sản cố định đã qua sử dụng, sau khi mua về, doanh nghiệp đưa vào phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đã xác định thời gian khấu hao theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 45/2013/TT-BTC, nếu trong quá trình hoạt động doanh nghiệp muốn thay đổi thời gian trích khấu hao thì phải lập phương án thay đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

3. Công văn số 1304/TCT-QLN ngày 29/03/2024 của TCT về việc thực hiện cưỡng chế nợ thuế.

Theo đó, cưỡng chế nợ thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản, phong tỏa tài khoản của người nộp thuế bị cưỡng chế thì quyết định cưỡng chế có hiệu lực thi hành trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành quyết định.

4. Công văn số 140/TCT-QLN ngày 11/01/2024 của TCT về khoan tiền thuế nợ.

Căn cứ vào từng trường hợp, thời gian khoan tiền thuế nợ được tính như sau:

- ✓ Trường hợp người nộp thuế ("NNT") có quyết định giải thể: từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh đăng tải thông tin về việc NNT đang làm thủ tục giải thể trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh đến khi hoàn thành thủ tục giải thể hoặc được xóa nợ theo quy định.
- ✓ Trường hợp NNT không còn hoạt động tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký: từ ngày cơ quan thuế thông báo trên toàn quốc về việc NNT không hiện diện tại địa chỉ kinh doanh đến khi NNT tiếp tục hoạt động kinh doanh hoặc được xóa nợ theo quy định.
- ✓ Đối với NNT bị cơ quan thuế đề nghị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: từ ngày cơ quan thuế quản lý có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đến khi NNT tiếp tục hoạt động kinh doanh hoặc được xóa nợ theo quy định.

Trong thời gian từ ngày cơ quan quản lý thuế có văn bản đề nghị thu hồi gửi cơ quan đăng ký kinh doanh đến ngày cơ quan đăng ký kinh doanh có quyết định thu hồi hoặc có văn bản về việc không thu hồi, cơ quan quản lý thuế có thể áp dụng biện pháp cưỡng chế phù hợp để đảm bảo hiệu quả của công tác quản lý thuế.

► Hoàn thuế

1. Công văn số 463/TCT-CS ngày 05/02/2024 của TCT về việc hoàn thuế giá trị gia tăng (“GTGT”) của dự án đầu tư.
2. Công văn số 558/TCT-CS ngày 20/02/2024 của TCT về hàng xuất khẩu sẽ không được hoàn thuế GTGT nếu mở tờ khai xuất khẩu tại chỗ không đúng theo quy định.
3. Công văn số 575/TCT-CS ngày 20/02/2024 của TCT về việc hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu.
4. Công văn số 706/TCHQ-TXNK ngày 22/02/2024 của Tổng cục Hải quan về chính sách thuế hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu.

Trường hợp nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu nhưng doanh nghiệp chưa xuất khẩu sản phẩm mà đã nộp thuế nhập khẩu trước ngày 01/9/2016 thì doanh nghiệp không thuộc đối tượng được miễn thuế nhập khẩu, không thuộc trường hợp hoàn thuế theo quy định.

5. Công văn số 838/TCT-CS ngày 07/03/2024 của TCT về việc hoàn thuế GTGT.

► Khai thuế

1. Công văn số 480/TCT-HTQT ngày 05/02/2024 của TCT về vướng mắc trong việc giải quyết hồ sơ đề nghị khấu trừ thuế nước ngoài vào thuế phải nộp tại Việt Nam.
2. Công văn số 501/TCT-KK ngày 06/02/2024 của TCT về việc khai bổ sung tăng chỉ tiêu đề nghị hoàn trên hồ sơ khai thuế.

Doanh nghiệp chỉ được khai bổ sung tăng số thuế GTGT đề nghị hoàn khi chưa nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế tiếp theo và chưa nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế.

Đối với số thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư không được hoàn nhưng đủ điều kiện khấu trừ, doanh nghiệp thực hiện kết chuyển sang tờ khai thuế GTGT của hoạt động sản xuất kinh doanh.

► Quyết toán thuế

1. Công văn số 9579/CTHN-TTHT ngày 28/02/2024 của Cục Thuế Tp. Hà Nội về việc hướng dẫn chuyển lỗ sau khi chi nhánh chấm dứt hoạt động.

Trường hợp chi nhánh là đơn vị hạch toán độc lập, kê khai thuế TNDN riêng, nếu khi giải thể chi nhánh, công ty kế thừa toàn bộ nghĩa vụ và quyền lợi của Chi nhánh, cơ quan thuế đã kiểm tra quyết toán thuế tại Chi nhánh xác định số lỗ chi tiết của từng năm thì số lỗ đó được theo dõi chi tiết theo năm phát sinh và chuyển lỗ vào Công ty khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN, thời gian chuyển lỗ thực hiện theo quy định.

2. Công văn số 10832/CTHN-TTHT ngày 08/03/2024 của Cục Thuế Tp. Hà Nội về chính sách ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp khoa học công nghệ.

Trường hợp doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực về khoa học công nghệ và đáp ứng điều kiện theo quy định thì được hưởng ưu đãi với thuế suất 10% trong vòng 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án và được miễn thuế 04 năm, giảm 50% thuế trong 09 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án theo quy định.

3. Công văn số 13615/CT-TTHT ngày 21/03/2024 của Cục thuế Hà Nội về chi phí thu hồi và các thiết bị cũ có được tính vào chi phí khi tính thuế TNDN không.

Trường hợp doanh nghiệp có phát sinh khoản chi phí thu mua lại dòng thiết bị y tế cũ từ khách hàng về tiêu hủy nếu đáp ứng quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Chính phủ thì khoản chi phí thu mua, tiêu hủy hàng hóa này được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định.

► Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)

1. Công văn số 230/TCT-KK ngày 17/01/2024 của TCT về tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”).

Căn cứ quy định hiện hành, thuế TNDN là loại thuế khai quyết toán theo năm, tạm nộp thuế theo quý. Vì vậy, người nộp thuế không có nghĩa vụ khai, nộp hồ sơ khai thuế TNDN hằng quý. Thay vào đó, người nộp thuế phải tự xác định số TNDN tạm nộp mỗi quý. Số thuế TNDN tạm nộp khai trên tờ khai quyết toán thuế năm là số tiền thuế thực nộp của người nộp thuế. Hành vi không nộp hoặc nộp thiếu thuế TNDN tạm nộp sẽ không bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thiếu thuế.

Tuy nhiên, người nộp thuế phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp theo ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế TNDN quý 04 đến ngày liền kề trước ngày nộp số tiền thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước.

2. Công văn số 116/TCT-CS ngày 10/01/2024 của TCT về ưu đãi thuế đối với dự án đầu tư.

Trường hợp công ty được thành lập và được cấp Giấy chứng nhận đầu tư (“GCNĐT”) từ năm 2007 nhưng chưa đi vào hoạt động, chưa phát sinh doanh thu và được cấp GCNĐT điều chỉnh sau ngày 01/01/2014 thì công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định tại Điều 15, Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Thời gian áp dụng ưu đãi thuế là từ khi dự án có doanh thu.

Ngoài ra, đối với các khoản thu nhập hoặc hoạt động kinh doanh thương mại khác không gắn với hoạt động đầu tư của dự án đầu tư thì không được hưởng ưu đãi thuế TNDN.

3. Công văn số 370/TCT-CS ngày 30/01/2024 của TCT về việc xác định ưu đãi thuế TNDN.

Theo đó:

- ✓ Đối với doanh nghiệp đăng ký đầu tư lần đầu trước năm 2015 có quy mô vốn đầu tư dưới 15 tỷ đồng Việt Nam và không thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện thì hồ sơ để xác định dự án đầu tư là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- ✓ Đối với doanh nghiệp có đăng ký đầu tư lần đầu từ năm 2015 trở đi, dự án đầu tư mới sẽ được hưởng ưu đãi thuế TNDN nếu đáp ứng điều kiện về lĩnh vực hoặc địa bàn ưu đãi đầu tư được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc được phép đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.



► Chuyển nhượng vốn

1. Công văn số 8983/CTHN-TTHT ngày 23/02/2024 của Cục thuế Tp. Hà Nội về chính sách thuế hoạt động chuyển nhượng, cho tặng vốn.

Trường hợp Công ty tại nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam có phát sinh hoạt động chuyển nhượng một phần vốn sở hữu của mình tại Công ty cổ phần ở Việt Nam cho cổ đông khác là cá nhân không cư trú tại Việt Nam thì phải kê khai và nộp thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng vốn tại Việt Nam.

Trường hợp Công ty tại nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam có phát sinh hoạt động tặng vốn thuộc sở hữu của mình tại Công ty cổ phần ở Việt Nam cho cổ đông khác là cá nhân không cư trú tại Việt Nam thì thu nhập nhận được từ quà tặng của cá nhân này thuộc diện chịu thuế TNCN.

2. Công văn số 688/TCT-HTQT ngày 27/02/2024 của TCT về việc áp dụng Hiệp định thuế giữa Việt Nam và Singapore đối với hoạt động chuyển nhượng vốn.

Theo đó, trường hợp Công ty ở Việt Nam chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và có trên 50% giá trị tài sản bao gồm trực tiếp hay gián tiếp là bất động sản thì Công ty Singapore (bên chuyển nhượng) phải nộp thuế TNDN tại Việt Nam đối với thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn trong Công ty Việt Nam.

Đối tượng áp dụng các quy định của Hiệp định thuế Việt Nam – Singapore được cơ quan thuế căn cứ tình hình thực tế hoạt động kinh doanh của bên chuyển nhượng để xác định rõ chủ sở hữu thực hưởng của khoản thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng; mục đích của việc chuyển nhượng và cơ cấu hình thành giá chuyển nhượng giữa các công ty liên kết để áp dụng đúng quy định tại Hiệp định thuế và văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành.

3. Công văn số 689/TCT-HTQT ngày 27/02/2024 của TCT về việc áp dụng Hiệp định thuế Việt Nam – Luxembourg đối với hoạt động chuyển nhượng vốn.

Cơ quan thuế Việt Nam căn cứ vào thư trao đổi thông tin của Cơ quan thuế Luxembourg và các tài liệu liên quan để xác định đúng đối tượng được áp dụng quy định của Hiệp định thuế Việt Nam – Luxembourg là đối tượng thực hưởng thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn.

Trường hợp không phải là đối tượng thực hưởng thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn thì không thuộc đối tượng áp dụng Hiệp định thuế giữa hai nước.

4. Công văn số 690/TCT-HTQT ngày 27/02/2024 của TCT về việc áp dụng Hiệp định thuế giữa Việt Nam - Nhật Bản.





► Thuế Giá trị gia tăng (“GTGT”)

1. Công điện số 12/CĐ-TCT ngày 28/12/2023 của TCT về việc triển khai Nghị định số 94/2023/NĐ-CP quy định chính sách giảm thuế GTGT theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 của Quốc hội.

Công điện này yêu cầu Cục thuế các tỉnh, thành phố chủ động phổ biến chính sách giảm thuế GTGT được ban hành tại Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023, về giảm thuế GTGT của năm 2024, áp dụng với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 10% từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 30/06/2024, trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ nêu tại các Phụ lục I-III ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Công văn số 16/TCT-KK ngày 03/01/2024 của TCT về việc kê khai, hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư khác tỉnh, thành phố với trụ sở chính.

Trường hợp các doanh nghiệp có dự án đầu tư khác tỉnh, thành phố với nơi đóng trụ sở chính từ kỳ tính thuế tháng 01/2021 hoặc quý 1/2021 trở đi, người nộp thuế kê khai, hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư tại cơ quan thuế nơi có dự án đầu tư theo quy định.

Đối với hành vi kê khai sai hồ sơ thuế nếu không dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn thì bị xử phạt theo quy định Điều 12 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP.

3. Công văn số 257/TCT-CS ngày 19/01/2024 của TCT về chính sách thuế GTGT đối với hoạt động xuất khẩu.

Trường hợp đến hạn thanh toán của hợp đồng, phụ lục hợp đồng xuất khẩu mà công ty không cung cấp được chứng từ thanh toán thì sẽ không đủ điều kiện khấu trừ, hoàn thuế GTGT. Cơ quan thuế sẽ thực hiện thu hồi số tiền thuế đã hoàn và xử lý theo đúng quy định của Luật Thuế GTGT và Luật Quản lý thuế.

4. Công văn số 377/TCT-CS ngày 30/01/2024 của TCT về hoàn thuế GTGT.

Nếu doanh nghiệp đã đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư mới, đang trong giai đoạn đầu tư, và có số thuế GTGT đầu vào (phát sinh trong giai đoạn đầu tư) lũy kế chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên sẽ được hoàn thuế GTGT.

Do đó, Cục Thuế cần xác định dự án đầu tư là dự án mới hay dự án đầu tư mở rộng. Trong trường hợp là dự án đầu tư mới, khi dự án đi vào hoạt động, Cục Thuế cần báo cáo UBND tỉnh tổ chức Đoàn kiểm tra xác định thực tế hoạt động sản xuất, kinh doanh của dự án để đảm bảo điều kiện là dự án đầu tư mới theo quy định; nếu không đảm bảo, Cục Thuế sẽ có biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật về thuế và quản lý thuế.

5. Công văn số 372/TCT-CS ngày 30/01/2024 của TCT về thuế GTGT đối với hoạt động bán tàu biển.

Trường hợp bán tàu biển, tàu không sản xuất tại Việt Nam, trước và sau khi bán, tàu không nhập khẩu hay tiêu dùng tại Việt Nam, không mang cờ Việt Nam, điểm giao nhận tàu tại nước ngoài thì về nguyên tắc, nghiệp vụ bán tàu không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật thuế GTGT.

6. Công văn số 3008/CTHN-TTHT ngày 16/01/2024 của Cục Thuế Tp. Hà Nội về chính sách thuế GTGT đối với doanh nghiệp chế xuất (“DNCX”).

Theo đó:

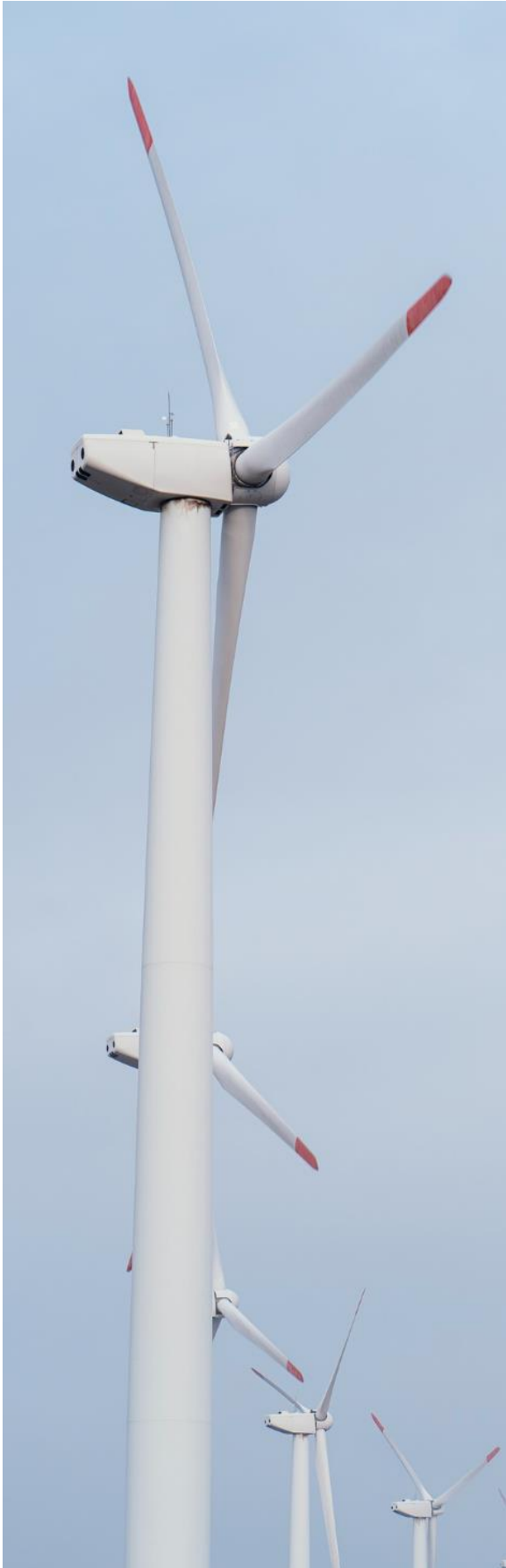
- ✓ DNCX không phải kê khai thuế GTGT đối với hoạt động sản xuất để xuất khẩu.
- ✓ DNCX có thực hiện quyền xuất nhập khẩu hàng hóa (mua hàng từ nội địa để xuất khẩu hoặc nhập khẩu hàng để bán vào nội địa) thì phải hạch toán riêng các giao dịch thực hiện quyền xuất nhập khẩu và đăng ký thuế với cơ quan thuế nội địa để kê khai nộp thuế GTGT theo quy định.

7. Công văn số 9575/CTHN-TTHT ngày 28/02/2024 của Cục Thuế Tp. Hà Nội về thuế GTGT cho dịch vụ tư vấn cho DNCX.

Trường hợp công ty cung cấp dịch vụ tư vấn kinh doanh cho DNCX, nếu dịch vụ này được thực hiện và tiêu dùng ngoài khu phi thuế quan thì áp dụng thuế suất 10% theo quy định.

8. Công văn số 9576/CTHN-TTHT ngày 28/02/2024 của Cục Thuế Tp. Hà Nội về thuế suất thuế GTGT đối với mặt hàng gạo.

9. Công văn số 11227/CTHN-TTHT ngày 08/03/2024 của Cục Thuế Tp. Hà Nội về chính sách thuế GTGT đối với dịch vụ trông giữ xe tại tòa nhà.



► Hóa đơn

1. Công văn số 91/TCT-QLN ngày 09/01/2024 của TCT hướng dẫn cấp hóa đơn từng lần phát sinh.

Trường hợp doanh nghiệp bị cưỡng chế nợ thuế bằng biện pháp ngừng cho phép sử dụng hóa đơn nhưng có cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho nhiều khách hàng khác nhau, thì khi đề nghị cấp hóa đơn điện tử (“HĐĐT”) có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh, doanh nghiệp được đề nghị một lần sử dụng nhiều HĐĐT và doanh nghiệp phải thực hiện nộp đủ số thuế phải nộp hoặc nộp 18% doanh thu trên hóa đơn được sử dụng theo quy định.

2. Công văn số 573/TCT-CS ngày 20/02/2024 của TCT về việc lập HĐĐT cho hàng xuất khẩu theo quy định nào.
3. Công văn số 672/TCT-QLN ngày 26/02/2024 của TCT về việc cấp HĐĐT có mã theo từng lần phát sinh.

Trường hợp người nộp thuế đang bị cơ quan thuế cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn có văn bản đề nghị sử dụng hóa đơn để có nguồn thanh toán tiền lương công nhân, thanh toán các khoản chi phí đảm bảo sản xuất kinh doanh được liên tục thì cơ quan thuế cấp HĐĐT có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh với điều kiện người nộp thuế phải nộp ngay ít nhất 18% doanh thu trên hóa đơn được sử dụng vào ngân sách nhà nước.

4. Công văn số 10480/CTHN-TTHT ngày 04/03/2024 của Cục Thuế Tp. Hà Nội hướng dẫn về nội dung của hóa đơn.

Trường hợp khi công ty bán hàng theo hợp đồng với đối tác nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và được chỉ định giao nhận hàng hóa với doanh nghiệp tại Việt Nam thuộc trường hợp xuất khẩu tại chỗ, nếu xuất hàng hóa để vận chuyển đến cửa khẩu, hay đến nơi làm thủ tục xuất khẩu thì doanh nghiệp sử dụng phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ theo quy định. Tại các chỉ tiêu:

- “tên người mua”: thể hiện người nhận hàng;
- “địa chỉ người mua”: thể hiện địa điểm kho nhận hàng;
- “tên người bán”: thể hiện người xuất hàng;
- “địa chỉ người bán”: thể hiện địa điểm kho xuất hàng và phương tiện vận chuyển;
- “tiền thuế”, “thuế suất”, “tổng số tiền thanh toán”: không thể hiện.



5. Công văn số 837/TCT-DNL ngày 06/03/2024 của TCT về việc quyết liệt triển khai HĐĐT theo từng lần bán hàng đối với kinh doanh bán lẻ xăng dầu.
6. Công văn số 955/TCT-CS ngày 13/03/2024 của TCT về hóa đơn.

Nhà hàng, khách sạn thuộc loại hình kinh doanh được lựa chọn sử dụng HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế hoặc HĐĐT có mã, HĐĐT không có mã.

Theo đó, khi áp dụng HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền, người bán chủ động 24/7 trong việc lập hóa đơn khi có phát sinh bán hàng hóa, dịch vụ; xử lý triệt để vướng mắc về độ trễ giữa thời điểm thanh toán và thời điểm lập hóa đơn. Đồng thời, người mua có thể nhận HĐĐT ngay khi thanh toán

7. Công văn số 957/TCT-CS ngày 13/03/2024 của TCT về chính sách thuế.

Hoạt động thanh lý tài sản của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam không thuộc các trường hợp được sử dụng HĐĐT có mã của cơ quan thuế cấp theo từng lần phát sinh. Khi bán thanh lý tài sản, Văn phòng đại diện sử dụng chứng từ và phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC và không sử dụng bảng kê 01/TNDN.

► Thuế Nhà thầu nước ngoài (“NTNN”)

1. Công văn số 6033/TCT-CS ngày 29/12/2023 của TCT về kê khai, nộp thuế NTNN đối với NCCNN (“NCCNN”).

Trường hợp NCCNN đã đăng ký thuế trực tiếp trên Cổng thông tin điện tử của TCT thì có nghĩa vụ kê khai và nộp thuế theo quy định.

Trường hợp doanh nghiệp Việt Nam đã khấu trừ, kê khai và nộp thuế thay cho NCCNN thì NCCNN được trừ doanh thu bên Việt Nam đã khấu trừ, nộp thay theo quy định.

2. Công văn số 296/TCT-CS ngày 24/01/2024 của TCT về chính sách thuế NTNN đối với hoạt động quảng cáo trên Google.

Theo đó, một trong những điều kiện để được khấu trừ thuế GTGT đầu vào là có hóa đơn GTGT của dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế GTGT thay cho phía nước ngoài. Hóa đơn từ Google không phải là hóa đơn GTGT, do đó, không đáp ứng điều kiện khấu trừ thuế GTGT theo quy định.

Ngoài ra, về mặt thuế TNDN, nếu khoản chi này đáp ứng đủ các điều kiện (i) thực tế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, (ii) có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp mang tên, địa chỉ, mã số thuế của doanh nghiệp (trường hợp bên bán không cung cấp hoá đơn thì phải có tờ khai và chứng từ nộp thuế NTNN theo quy định) và (iii) chứng từ thanh toán theo quy định của pháp luật về thuế GTGT, thì chi phí đó sẽ được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

Để xác định các NCCNN có hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số đã đăng ký thuế tại Việt Nam hay chưa, doanh nghiệp có thể tra cứu trên Cổng Thông tin điện tử dành cho NCCNN.

2. Công văn số 8982/CTHN-TTHT ngày 23/02/2024 của Cục Thuế Tp. Hà Nội về thuế NTNN.

Trường hợp NCCNN đã thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế trực tiếp tại Việt Nam theo quy định thì công ty Việt Nam không phải thực hiện kê khai, khấu trừ và nộp thuế thay cho NCCNN. Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT được khấu trừ toàn bộ nếu đáp ứng các điều kiện khấu trừ thuế GTGT.



► Thuế Xuất nhập khẩu

1. Công văn số 651/TCHQ-TXNK ngày 19/02/2024 của Tổng cục Hải quan về hàng xuất khẩu loại hình sản xuất xuất khẩu.

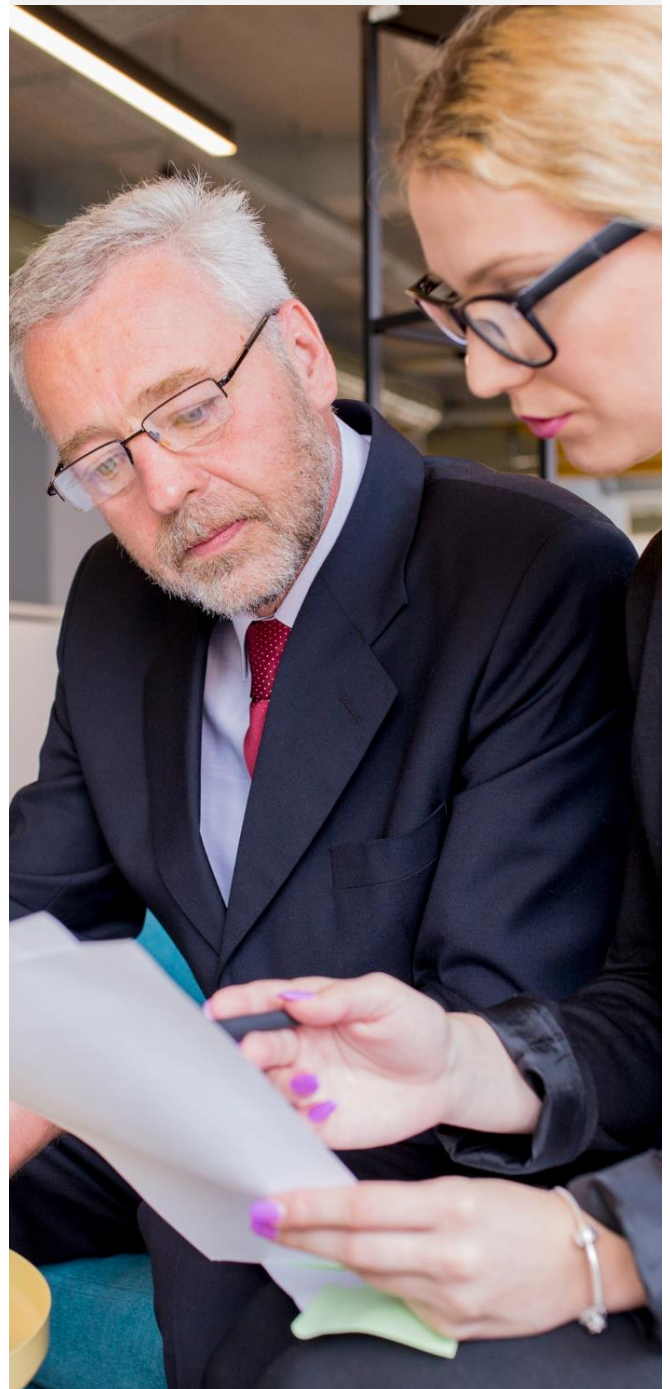
Trường hợp doanh nghiệp sử dụng nguyên liệu, vật tư có nguồn gốc trong nước để sản xuất sản phẩm xuất khẩu thì khi xuất khẩu sản phẩm không được miễn thuế xuất khẩu, doanh nghiệp phải kê khai, nộp thuế xuất khẩu đối với sản phẩm xuất khẩu theo quy định.

2. Công văn số 683/TCHQ-TXNK ngày 21/02/2024 của Tổng cục Hải quan về việc xác định trị giá hải quan của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.
3. Công văn số 553/HQTPHCM-TXNK ngày 08/03/2024 của Cục Hải quan Tp. HCM về thông báo tình hình sử dụng hàng hóa miễn thuế nhập khẩu.

Theo đó, doanh nghiệp được yêu cầu thông báo tình hình sử dụng hàng hóa miễn thuế theo đúng mẫu và đúng thời hạn quy định cho cơ quan hải quan nơi tiếp nhận Danh mục miễn thuế trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

4. Công văn số 963/TCHQ-TXNK ngày 08/03/2024 của Tổng cục Hải quan về hàng hóa nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu giao gia công lại.
5. Công văn số 1008/TCHQ-TXNK ngày 12/03/2024 về việc hàng hóa tạm nhập miễn thuế thay đổi mục đích sử dụng.

Trường hợp doanh nghiệp tạm nhập hàng hóa để bảo hành, sửa chữa, thay thế sau đó tái xuất thuộc trường hợp hàng hóa được miễn thuế nhưng sau đó thay đổi mục đích sử dụng (chuyển tiêu thụ nội địa) thì phải khai tờ khai hải quan mới. Chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện tại thời điểm đăng ký tờ khai hải quan mới.





► Hải quan

1. Công văn số 6695/TCHQ-TXNK ngày 27/12/2023 của Tổng cục Hải quan về thuế GTGT của mặt hàng thiết bị điện tử chuyên dụng.

Trường hợp hàng hóa nhập khẩu của công ty được xác định là thiết bị điện tử chuyên dùng thì thuộc mục IV Phần B Phụ lục III ban hành kèm Nghị định số 44/2023/NĐ-CP và áp dụng mức thuế suất GTGT 10%.

Trường hợp công ty có vướng mắc liên quan đến việc xác định hàng hóa nhập khẩu có phải là thiết bị điện tử chuyên dùng thì liên hệ với Bộ Thông tin và Truyền thông để được hướng dẫn cụ thể.

2. Công văn số 6476/TCHQ-TXNK ngày 14/12/2023 của Tổng cục Hải quan về việc kéo dài thời gian bảo lãnh chênh lệch thuế đối với hàng hóa nhập khẩu.

Theo quy định, đối với hàng hóa nhập khẩu nợ chứng từ chứng nhận xuất xứ (C/O) tại thời điểm làm thủ tục hải quan, nếu được tổ chức tín dụng bảo lãnh số tiền thuế chênh lệch, thì được áp dụng thuế suất ưu đãi đặc biệt ngay tại thời điểm thông quan. Thời hạn bảo lãnh tối đa là 30 ngày, kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan.

► Doanh nghiệp chế xuất

1. Công văn số 462/TCT-CS ngày 05/02/2024 của TCT trả lời vướng mắc về hóa đơn của Doanh nghiệp chế xuất.

Trường hợp doanh nghiệp chế xuất (DNCX) bán sản phẩm do DNCX sản xuất vào thị trường nội địa thì hàng hóa nhập khẩu từ DNCX vào thị trường nội địa thuộc đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng, pháp luật về thuế xuất-nhập khẩu. DNCX nhận gia công cho doanh nghiệp trong nội địa, thanh lý tài sản cố định cho doanh nghiệp trong nội địa theo đúng quy định pháp luật thì thực hiện xuất hóa đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

2. Công văn số 610/TCT-CS ngày 22/02/2024 của TCT về thuế GTGT đối với dịch vụ cung ứng cho DNCX.
3. Công văn số 788/TCHQ-GSQL ngày 27/02/2024 của Tổng cục Hải quan về thủ tục đưa hàng hóa vào xây dựng công trình cho DNCX.

Theo đó, doanh nghiệp có quyền lựa chọn làm hay không làm thủ tục hải quan đối với vật tư sử dụng để xây dựng công trình cho DNCX.

Đối với việc xác định một số mặt hàng có phải là hàng tiêu dùng hay không thì pháp luật hiện hành không quy định cụ thể nên không đủ cơ sở pháp lý để xác định và không thuộc phạm vi, thẩm quyền hướng dẫn của Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan.

Trường hợp doanh nghiệp thực hiện hoạt động xây dựng công trình cho DNCX thì hoạt động trên thuộc trường hợp áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng điều kiện quy định.

4. Công văn số 1151/TCT-CS ngày 22/03/2024 của TCT về chính sách thuế.

Đối với trường hợp DNCX có vốn đầu tư nước ngoài thuê đất trả tiền thuê một lần, sau đó chuyển nhượng, cho thuê lại quyền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất cho người mua là doanh nghiệp không hoạt động theo quy chế chế xuất, nếu hoạt động cho thuê lại quyền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất thực hiện theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013 thì thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 10%.

5. Công văn số 1153/TCT-CS ngày 22/03/2024 của TCT về chính sách thuế đối với tiền thuê đất của DNCX.
6. Công văn số 928/TCHQ-TXNK ngày 06/03/2024 của Tổng cục Hải quan về việc xuất khẩu phế liệu.

DNCX đáp ứng điều kiện là khu phi thuế quan theo quy định xuất trả hàng hóa cho bên thuê gia công thì thuộc đối tượng không chịu thuế xuất khẩu.



THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (“TNCN”)

1. Công văn số 6002/TCT-DNNCN ngày 29/12/2023 của TCT về chính sách thuế TNCN đối với khoản bảo hiểm bắt buộc đóng ở nước ngoài.

Theo Công văn số 6002/TCT-DNNCN, nếu người nước ngoài được cử sang Việt Nam làm việc theo diện di chuyển nội bộ và thu nhập từ tiền lương, tiền công do cả công ty ở Việt Nam và công ty ở nước ngoài chi trả, trong đó phần thu nhập trả ở nước ngoài (bao gồm cả khoản bảo hiểm bắt buộc đóng ở nước ngoài) được bồi hoàn toàn bộ bởi công ty ở Việt Nam, thì các khoản bảo hiểm đó không được giảm trừ khi tính thuế TNCN tại Việt Nam.

Ngày 27/02/2024, TCT đã ban hành công văn số 684/TCT-DNNCN tiếp nối Công văn số 6002/TCT-DNNCN. Theo đó, nếu người nước ngoài được cử sang Việt Nam làm việc theo diện di chuyển nội bộ nhưng vẫn có tiền lương ở nước ngoài và đã đóng các khoản phí bảo hiểm bắt buộc ở bản xứ tương tự bảo hiểm bắt buộc của Việt Nam thì được trừ các khoản phí bảo hiểm này khi xác định thu nhập chịu thuế tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, người nước ngoài sang Việt Nam theo diện di chuyển nội bộ sẽ không thuộc đối tượng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc tại Việt Nam.

2. Công văn số 17/TCT-DNNCN ngày 03/01/2024 của TCT về việc xin miễn thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần.

Trường hợp người nộp thuế là đối tượng không cư trú tại Việt Nam và đáp ứng điều kiện được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thì nộp hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế theo Hiệp định (mẫu số 01/HTQT và các hồ sơ kèm theo) cùng với tờ khai thuế (mẫu số 02/KK-TNCN) của lần khai thuế đầu tiên.

3. Công văn số 18/TCT-DNNCN ngày 03/01/2024 của TCT về chính sách thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng vườn cây cao su.

Vì cây cao su là tài sản gắn liền với đất và thuộc sở hữu của các hộ gia đình, cá nhân nên thu nhập mà cá nhân nhận được khi chuyển nhượng cây cao su là thu nhập chịu thuế TNCN từ chuyển nhượng bất động sản (“BDS”). Nếu các cá nhân có quyền sở hữu, quyền sử dụng BDS đã ủy quyền quản lý BDS cho người khác mà người được ủy quyền có quyền chuyển nhượng hoặc có quyền như người sở hữu BDS, thì người được ủy quyền có nghĩa vụ kê khai & nộp thuế đối với hoạt động chuyển nhượng trên.

Trường hợp công ty tự thỏa thuận bồi thường công khai phá đất và thành quả đầu tư trên đất cho hộ gia đình, cá nhân theo hình thức Biên bản thỏa thuận bồi thường (không được phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền), thì khoản thu nhập của hộ gia đình, cá nhân nhận được sẽ không được miễn thuế TNCN.

4. Công văn số 1017/CTBDU-TTHT ngày 12/01/2024 của Cục Thuế tỉnh Bình Dương hướng dẫn quyết toán thuế TNCN cho kỳ tính thuế năm 2023.

Theo đó, Cục thuế tỉnh Bình Dương ban hành văn bản hướng dẫn và lưu ý quyết toán thuế TNCN cho kỳ tính thuế năm 2023. Một số điểm nổi bật cần lưu ý bao gồm:

- Doanh nghiệp chỉ được miễn quyết toán thuế TNCN nếu không chi trả thu nhập hoặc tạm ngừng kinh doanh trọn năm tính thuế. Trường hợp trong năm 2023, doanh nghiệp có chi trả thu nhập nhưng không phát sinh khấu trừ thuế thì vẫn phải làm quyết toán.
- Đối với cá nhân quyết toán thuế trực tiếp: nộp mẫu 02/QTT-TNCN trên hệ thống Dịch vụ thuế điện tử tại <http://thuedientu.gdt.gov.vn>, đồng thời ký và gửi bản giấy tới cơ quan thuế nơi nhận hồ sơ ở trên nếu cá nhân chưa được cấp tài khoản giao dịch thuế điện tử.

5. Công văn số 885/CTQNA-TTHT ngày 29/01/2024 của Cục Thuế tỉnh Quảng Nam về việc người nước ngoài phải chịu 20% thuế TNCN đối với thu nhập được trả sau khi kết thúc nhiệm kỳ tại Việt Nam.

Trường hợp công ty phát sinh chi trả một số khoản thu nhập chịu thuế TNCN cho người nước ngoài sau khi người nước ngoài đã thực hiện quyết toán thuế TNCN lúc kết thúc công việc tại Việt Nam thì tại thời điểm phát sinh thu nhập này, người nước ngoài thuộc đối tượng cá nhân không cư trú tại Việt Nam. Thuế suất áp dụng đối với người nước ngoài trong trường hợp này là 20% theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư số 111/2013/TT-BTC.

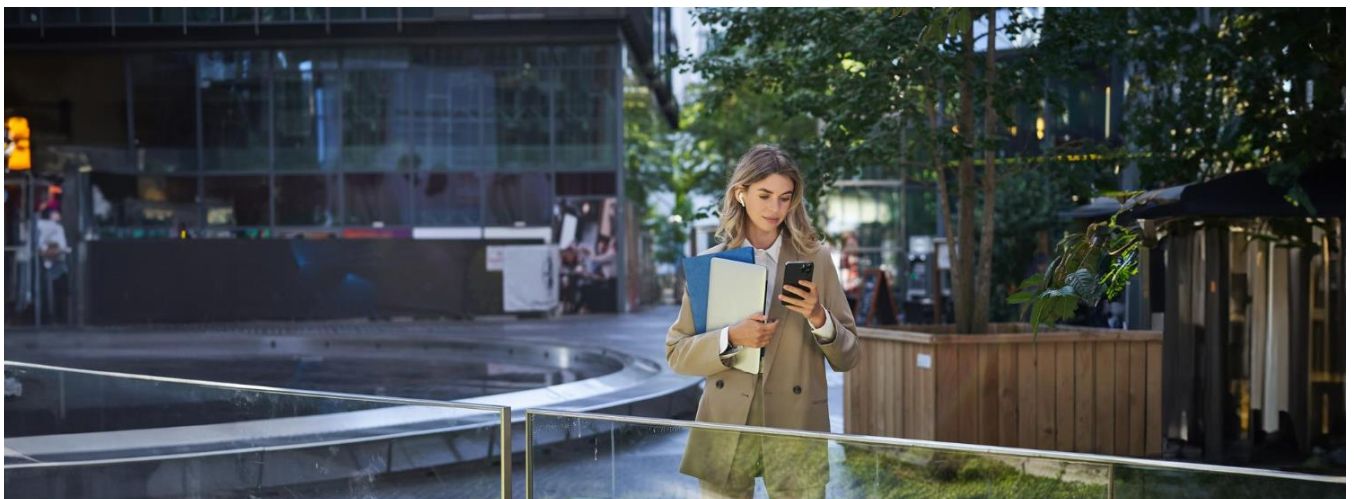
6. Công văn số 8983/CTHN-TTHT ngày 23/02/2024 của Cục Thuế Tp. Hà Nội về chính sách thuế TNCN cho hoạt động chuyển nhượng, cho tặng vốn góp.

Trường hợp công ty nước ngoài (không có hiện diện tại Việt Nam) chuyển nhượng phần vốn góp tại công ty cổ phần ở Việt Nam cho cổ đông khác là cá nhân không cư trú tại Việt Nam thì công ty nước ngoài phải kê khai, nộp thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng vốn.

Tuy nhiên, nếu công ty nước ngoài cho, tặng phần vốn góp tại công ty cổ phần ở Việt Nam cho cổ đông khác là cá nhân không cư trú tại Việt Nam thì người được tặng vốn góp có trách nhiệm kê khai nộp thuế TNCN đối với thu nhập từ quà tặng. Mức thuế suất áp dụng sẽ là 10% cho phần giá trị quà tặng vượt trên 10 triệu đồng.

7. Công văn số 525/TCT-DNNCN ngày 15/02/2024 của TCT về việc công tác quản lý thuế đối với hộ, cá nhân kinh doanh.

TCT yêu cầu Cục thuế của các tỉnh tiến hành triển khai một số biện pháp nhằm tăng cường quản lý, chống thất thu thuế đối với hộ kinh doanh, đặc biệt là việc rà soát dữ liệu do các sàn giao dịch thương mại điện tử cung cấp trên Cổng thông tin điện tử để xác định các trường hợp có khả năng chưa kê khai hoặc kê khai chưa đầy đủ doanh thu kinh doanh của cá nhân kinh doanh trên sàn giao dịch.





9. Công văn số 2783/CTTPHCM-TTHT ngày 18/03/2024 của Cục Thuế Tp. HCM hướng dẫn kê khai quyết toán thuế TNCN năm 2023.

Một số điểm cần lưu ý khi quyết toán thuế TNCN như sau:

- ✓ Doanh nghiệp không phát sinh việc chi trả thu nhập trong năm 2023 hoặc tạm ngừng hoạt động, kinh doanh trọn năm dương lịch 2023 được miễn khai quyết toán thuế TNCN năm 2023. Các trường hợp khác đều phải khai quyết toán.
- ✓ Cá nhân được miễn khai quyết toán thuế TNCN trong các trường hợp: có số thuế phải nộp thêm sau quyết toán không quá 50.000 đồng; có số thuế nộp thừa nhưng không cần hoàn hoặc bù trừ; không có yêu cầu quyết toán lại đối với nguồn thu nhập vắng lai.
- ✓ Cá nhân thực hiện quyết toán thuế TNCN trực tiếp với cơ quan thuế phải kê khai đầy đủ thông tin về tổ chức trả thu nhập (nếu có) trên tờ khai mẫu 02/QTT-TNCN để cơ quan thuế có cơ sở xác định bộ phận giải quyết kịp thời, đúng quy định.
- ✓ Cơ quan thuế khuyến khích cá nhân sử dụng hình thức khai thuế điện tử (theo hướng dẫn tại công văn số 535/TCT-DNNCN ngày 03/03/2021 của TCT), và nộp thuế điện tử trên thiết bị di động (theo hướng dẫn tại công văn số 4899/TCT-CNTT ngày 14/12/2021).

10. Công văn số 1148/TCT-DNNCN ngày 22/03/2024 của TCT về chính sách thuế TNCN và lệ phí trước bạ cho thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản giữa cha mẹ chồng và con dâu.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản giữa cha chồng, mẹ chồng với con dâu thuộc đối tượng miễn thuế TNCN. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 10 Điều 10 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP, nhà, đất nhận thừa kế hoặc là quà tặng giữa cha chồng, mẹ chồng với con dâu thuộc đối tượng miễn lệ phí trước bạ. Tuy nhiên, theo quy định Điều 65 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân sẽ chấm dứt kể từ thời điểm vợ hoặc chồng chết.

Do đó, Cơ quan thuế cần phải trao đổi với Sở Tư pháp địa phương về việc xác định mối quan hệ giữa con dâu với cha, mẹ chồng sau khi người chồng chết theo quy định của pháp luật dân sự và pháp luật hôn nhân gia đình để có cơ sở xác định nghĩa vụ thuế đối với hoạt động chuyển nhượng, cho tặng, thừa kế nhà, đất.

11. Công văn số 8974/CTHN-TTHT ngày 23/02/2024 của Cục Thuế Tp. Hà Nội về chính sách thuế thu TNDN, TNCN đối với khoản bảo hiểm nhân thọ của người lao động.
- ✓ Về thuế TNDN: chi phí mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động sẽ được trừ khi tính thuế TNDN nếu mức chi không vượt mức 03 triệu đồng/tháng/người và đáp ứng các điều kiện theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 25/2018/TT-BTC.
 - ✓ Về thuế TNCN: Bảo hiểm nhân thọ không phải là bảo hiểm bắt buộc nên chi phí mua cho người lao động không được giảm trừ khi tính thuế TNCN. Nếu công ty mua bảo hiểm nhân thọ có tích lũy về phí bảo hiểm thì phải tính và khấu trừ thuế TNCN theo khoản 2 Điều 14 Thông tư số 92/2015/TT-BTC. Chi phí mua bảo hiểm nhân thọ không có tích lũy về phí bảo hiểm được miễn thuế TNCN. Ngoài ra, khoản thu nhập từ tiền lãi và tiền bồi thường hợp đồng bảo hiểm nhân thọ cũng được miễn thuế TNCN theo hướng dẫn tại tiết g Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 111/2013/TT-BTC, Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 92/2015/TT-BTC.
12. Công văn số 764/TCT-DNNCN ngày 01/03/2024 của TCT về việc xác định thu nhập chịu thuế từ hợp đồng dịch vụ môi giới bán hàng, quảng bá sản phẩm.
- Trường hợp người nước ngoài là cá nhân không cư trú tại Việt Nam, phát sinh thu nhập từ hợp đồng dịch vụ môi giới bán hàng, quảng bá sản phẩm với một công ty Việt Nam thì:
- ✓ Nếu thu nhập nhận được là thu nhập từ hoạt động hành nghề độc lập trong những lĩnh vực, ngành nghề được cấp giấy phép hoặc chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật thì được xem là thu nhập từ kinh doanh;
 - ✓ Nếu thu nhập nhận được là khoản tiền hoa hồng đại lý bán hàng hóa, hoa hồng môi giới thì được xem là thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công;
 - ✓ Trường hợp có sự khác nhau giữa các quy định của Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và của nội luật thì sẽ áp dụng theo Hiệp định.
13. Quà tặng cho người lao động (giỏ quà tết, voucher) nếu có tính chất là khoản lợi ích không bằng tiền thì phải kê khai thuế TNCN theo Công văn số 7443/CTHN-TTHT ngày 05/02/2024 của Cục Thuế Tp. Hà Nội.
14. Không được đăng ký chi ruột là người phụ thuộc nếu bố mẹ có lương hưu theo Công văn số 9577/CTHN-TTHT ngày 28/02/2024 của Cục Thuế Tp. Hà Nội.
15. Công văn số 685/TCT-DNNCN ngày 27/02/2024 của TCT về việc nếu đăng ký người phụ thuộc là cá nhân khác không nơi nương tựa mà người nộp thuế trực tiếp nuôi dưỡng thì phải đáp ứng điều kiện theo hướng dẫn tại tiết d.4 điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC và theo quy định tại Điều 107 Luật hôn nhân và gia đình.
-

BẢO HIỂM XÃ HỘI (“BHXH”)

1. Từ ngày 01/01/2024, lãi suất phạt chậm đóng BHXH và bảo hiểm thất nghiệp (“BHTN”) là 0.363%/tháng và lãi suất phạt chậm đóng bảo hiểm y tế (“BHYT”) là 0,492%/tháng theo Thông báo số 257/TB-BHXH ngày 15/01/2024 của BHXH Tp. Hồ Chí Minh.
2. Thông tư số 20/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2023 của Bộ Lao động, Thương binh & Xã hội (“LĐTBXH”) quy định bảng hệ số lương hưu và trợ cấp BHXH mới (áp dụng từ ngày 01/01/2024).
3. Tỷ giá quy đổi tiền lương ngoại tệ để tính đóng BHXH (6 tháng đầu năm 2024) là 23,848 đồng/USD theo Công văn số 02/BHXH-TST ngày 02/01/2024 của BHXH Tp. Hồ Chí Minh.
4. Những trường hợp hưởng sai BHXH một lần và bị cơ quan BHXH truy thu theo Công văn số 333/BHXH-CSXH ngày 05/02/2024 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.
5. Thông tư 15/2023/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2023 của Bộ LĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số quy định về bảo hiểm thất nghiệp, hiệu lực từ ngày 15/02/2024.
6. Một số nội dung mới của Thông tư gồm:
 - ✓ Bổ sung hướng dẫn tính thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp: Tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp được tính theo tháng dương lịch. Mỗi tháng hưởng trợ cấp thất nghiệp được tính từ ngày bắt đầu hưởng trợ cấp đến ngày đó của tháng sau trừ 1 ngày. Với trường hợp tháng sau không có ngày tương ứng thì ngày kết thúc của tháng hưởng trợ cấp là ngày cuối cùng của tháng đó.
 - ✓ Thay đổi công thức tính thời gian bảo lưu bảo hiểm thất nghiệp.
 - ✓ Thêm trường hợp được bảo lưu bảo hiểm thất nghiệp: bổ sung thêm trường hợp người lao động được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận bổ sung thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp sau khi chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp.



Lao động

1. Công văn số 29954/SLĐTBXH-VLATLĐ ngày 28/12/2023 của Sở LĐTB & XH Tp. Hồ Chí Minh về những quy định cần thực hiện khi tuyển người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Theo đó, Sở LĐTBXH Tp. Hồ Chí Minh ban hành hướng dẫn liên quan đến người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam, bao gồm các quy định:

- ✓ Về thực hiện báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.
- ✓ Về sử dụng, quản lý người lao động nước ngoài:
- Về chuẩn bị hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động:
 - Đối với vị trí công việc nhà quản lý, giám đốc điều hành.
 - Đối với vị trí công việc chuyên gia, lao động kỹ thuật.
- Về thực hiện giao kết hợp đồng lao động.
- Về thu hồi giấy phép lao động.
- Về thực hiện báo cáo tình hình sử dụng lao động nước ngoài 6 tháng và cả năm.
- Về tham gia BHXH.
- Về lưu giữ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến người lao động nước ngoài.
- ✓ Về quy định xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến lao động nước ngoài.

2. Công văn số 6932/TTDVVL-GTVL ngày 25/12/2023 của Sở LĐTB&XH Tp. Hồ Chí Minh về quy trình tuyển dụng lao động Việt Nam cho vị trí dự kiến dành cho lao động lao động nước ngoài từ 2024 trên trang thông tin điện tử Trung tâm Dịch vụ việc làm của Thành phố.

3. Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 26/03/2024 của UBND Tp. HCM về việc bãi bỏ Quyết định số 15/2016/QĐ-UBND ngày 09/05/2016 của Ủy ban nhân dân (“UBND”) Thành phố về phân cấp tiếp nhận hồ sơ đăng ký Nội quy lao động của người sử dụng lao động sử dụng từ 10 người lao động trở lên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, hiệu lực từ ngày 05/04/2024.

4. Quyết định số 16/2024/QĐ-UBND ngày 26/03/2024 của UBND Tp. HCM về việc bãi bỏ Quyết định số 50/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 của UBND Thành phố về phân cấp tiếp nhận Thỏa ước lao động tập thể doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, hiệu lực từ ngày 05/04/2024.



Khác

1. Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18/01/2024 do Quốc Hội ban hành.

Sau đây là tóm tắt một số điểm đáng chú ý:

a. Quy định giảm tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông là tổ chức, cổ đông và người có liên quan của cổ đông trong tổ chức tín dụng (“TCTD”): tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông là tổ chức (bao gồm cả sở hữu gián tiếp) không được vượt quá 10% (trước đây là 15%) vốn điều lệ của một TCTD, và của cổ đông và người có liên quan của cổ đông không được vượt quá 15% (trước đây là 20%) vốn điều lệ của một TCTD.

b. Quy định giảm dần giới hạn cấp tín dụng: tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng không được vượt quá 10% (trước đây là 15%) vốn tự có của TCTD và 15% (trước đây là 25%) đối với một khách hàng và người có liên quan. Giới hạn cấp tín dụng sẽ được giảm dần theo lộ trình trong 05 năm bắt đầu từ ngày 01/07/2024 đến ngày 01/01/2029.

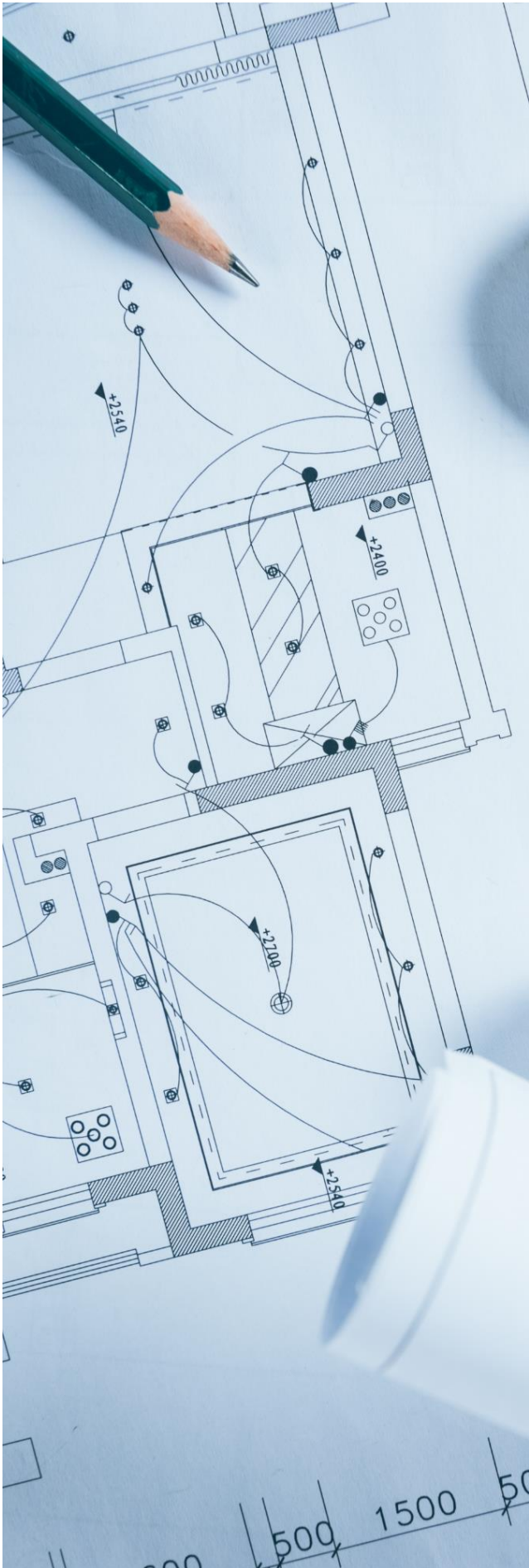
c. Quy định TCTD được quyền chuyển nhượng tài sản bảo đảm là dự án BĐS để thu hồi nợ: việc chuyển nhượng được thực hiện toàn bộ hoặc một phần dự án BĐS là tài sản bảo đảm để thu hồi nợ mà không phải áp dụng quy định về điều kiện chủ thể kinh doanh BĐS đối với bên chuyển nhượng dự án bất động sản theo quy định của Luật Kinh doanh bất động sản. Thời gian xử lý tài sản bảo đảm là BĐS là 05 năm (trước đây là 03 năm).

d. Quy định về can thiệp sớm các TCTD yếu kém: bổ sung 1 Chương bao gồm 6 Điều (Điều 156 – Điều 161) quy định về các biện pháp can thiệp sớm các TCTD yếu kém. Theo đó, Ngân hàng Nhà nước sẽ xem xét, quyết định can thiệp sớm khi TCTD thuộc một hoặc một số trường hợp quy định tại Điều 156.1 Luật này.

e. Quy định thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu: bổ sung quy định về việc xử lý nợ xấu và thứ tự ưu tiên thanh toán khi xử lý tài sản đảm bảo của khoản nợ xấu. Trường hợp một tài sản được dùng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ thì thứ tự ưu tiên thanh toán giữa các bên cùng nhận bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Luật này sẽ có hiệu lực từ ngày 01/07/2024, ngoại trừ Điều 200.3 và Điều 210.15 của Luật này sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025.

2. Thông tư số 06/2023/TT-BNG ngày 26/12/2023 của Bộ Ngoại giao sửa đổi thủ tục về đăng ký công dân Việt Nam ở nước ngoài và cấp hộ chiếu ngoại giao, công vụ, hiệu lực từ ngày 15/02/2024.



3. Nghị định số 12/2024/NĐ-CP ngày 05/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 và Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03/04/2023, hiệu lực từ ngày 05/02/2024.

Một số nội dung mới đáng chú ý liên quan quy định giá đất như sau:

- ✓ Quy định về phương pháp định giá đất: Nghị định đã loại bỏ phương pháp chiết trừ trong việc định giá đất. Theo đó, có 04 phương pháp định giá đất được quy định là (i) phương pháp so sánh, (ii) phương pháp thu nhập, (iii) phương pháp thặng dư, và (iv) phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất được quy định cụ thể hơn so với trước đây cùng với điều kiện áp dụng của từng phương pháp định giá đất.
- ✓ Quy định về thông tin để áp dụng phương pháp định giá đất: Theo đó, đối với từng phương pháp định giá đất sẽ được áp dụng các thông tin cụ thể riêng. Dựa vào các thông tin được áp dụng cho mỗi phương pháp, cơ quan có thẩm quyền sẽ tiến hành thu thập thông tin áp dụng cho phương pháp định giá đất đã chọn để định giá.
- ✓ Sửa đổi và bổ sung các quy định về (i) trình tự, thủ tục thực hiện xác định giá đất; (ii) lựa chọn tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất.
- ✓ Bổ sung quy định về (i) thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin về thửa đất, thông tin để áp dụng các phương pháp định giá đất; xây dựng báo cáo thuyết minh phương án giá đất; (ii) Hội đồng thẩm định giá đất; (iii) hoàn thiện hồ sơ phương án giá đất, trình UBND cấp có thẩm quyền quyết định giá đất.

4. Nghị định 10/2024/NĐ-CP ngày 01/02/2024 của Chính phủ quy định về khu công nghệ cao, hiệu lực từ ngày 25/03/2024.

Nghị định này quy định về phương hướng xây dựng, phương án phát triển khu công nghệ cao; việc thành lập, mở rộng khu công nghệ cao; hoạt động tại khu công nghệ cao; cơ chế, chính sách và quản lý nhà nước đối với khu công nghệ cao (bao gồm: khu công nghệ cao quy định tại Điều 31 Luật Công nghệ cao và khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao quy định tại Điều 32 Luật Công nghệ cao).

Đối tượng áp dụng của Nghị định này bao gồm: Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quy hoạch, thành lập, đầu tư xây dựng, quản lý và hoạt động tại khu công nghệ cao.

3. Nghị định 14/2024/NĐ-CP ngày 07/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 28/2018/NĐ-CP ngày 01/03/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương, hiệu lực từ ngày 25/03/2024.

Những nội dung đáng chú ý liên quan đến cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (“VPĐD”) tại Việt Nam của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài như sau:

- ✓ Bổ sung thêm 02 trường hợp được cấp lại Giấy phép thành lập VPĐD, cụ thể là khi:
 - Giấy phép thành lập VPĐD bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; hoặc
 - Thay đổi địa điểm đặt trụ sở VPĐD sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác.
 - ✓ Thay đổi nơi nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập VPĐD: Trước đây, nơi nộp hồ sơ phải gửi đến Bộ Công Thương để đề nghị được cấp Giấy phép. Nay, tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài thành lập VPĐD tại Việt Nam gửi hồ sơ đến Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi dự kiến đặt trụ sở của VPĐD để đề nghị cấp Giấy phép thành lập VPĐD tại Việt Nam.
 - ✓ Bổ sung thêm 02 trường hợp bị thu hồi Giấy phép thành lập VPĐD, cụ thể:
 - Có bằng chứng cho thấy VPĐD tổ chức thực hiện hoặc tham gia hoặc tài trợ cho các hoạt động gây phương hại đến an ninh, quốc phòng, trật tự, an toàn xã hội và trái với truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục của Việt Nam;
 - Cơ quan cấp Giấy phép nhận được thông báo chính thức từ các cơ quan có thẩm quyền về việc tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài thuộc danh sách bị áp dụng các biện pháp trừng phạt theo các Nghị quyết của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc.
-

Liên hệ với chúng tôi

BDO tại Tp. Hồ Chí Minh

Hillary Vũ

Dịch vụ Thuế và Tư vấn

hillary.vu@bdo.vn

Jeffrey Ong

Dịch vụ Kiểm toán

jeffrey.ong@bdo.vn

Tầng 11, Tòa nhà An Gia,
60 Nguyễn Đình Chiểu,
Phường Đa Kao, Quận 1,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: +84 (0) 28 39110033
Fax: +84 (0) 28 39117439
www.bdo.vn

BDO tại Hà Nội

Phạm Tiến Hùng

Dịch vụ Kiểm toán

hung.pham@bdo.vn

Tầng 20, Tòa nhà Icon 4,
243A Đê La Thành,
Phường Láng Thượng, quận Đống Đa,
Hà Nội, Việt Nam
ĐT: +84 (0) 24 37833911
Fax: +84 (0) 24 37833914
www.bdo.vn

BDO Legal VN

Nguyễn Văn Dư

Dịch vụ Tư vấn Pháp lý

du.nguyen@bdo.vn

Tầng 4, Tòa nhà The Prince Residence
19 – 21 Nguyễn Văn Trỗi,
Phường 14, quận Phú Nhuận,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: +84 (0) 28 36227792
Fax: +84 (0) 28 36227791

This publication has been carefully prepared, but it has been written in general terms and should be seen as containing broad statements only. This publication should not be used or relied upon to cover specific situations and you should not act, or refrain from acting, upon the information contained in this publication without obtaining specific professional advice. Please contact BDO Consulting Vietnam Co., Ltd. to discuss these matters in the context of your particular circumstances. BDO Consulting Vietnam Co., Ltd., its partners, employees and agents do not accept or assume any responsibility or duty of care in respect of any use of or reliance on this publication, and will deny any liability for any loss arising from any action taken or not taken or decision made by anyone in reliance on this publication or any part of it. Any use of this publication or reliance on it for any purpose or in any context is therefore at your own risk, without any right of recourse against BDO Consulting Vietnam Co., Ltd. or any of its partners, employees or agents.

BDO Consulting Vietnam Co., Ltd., is member of BDO International Limited, a UK company limited by guarantee, and forms part of the international BDO network of independent member firms.

BDO is the brand name for the BDO network and for each of the BDO Member Firms.

Copyright © April 2024 of BDO in Vietnam. All rights reserved. Published in Vietnam.

